

Số: Bà Rịa- Vũng Tàu, ngày tháng năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Quy chế quản lý Công tác thi đua, khen thưởng**  
**tại Ban Quản lý các KCN Bà Rịa – Vũng Tàu**

**TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BR-VT**

Căn cứ Luật Thi đua khen thưởng ngày 26/11/2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua khen thưởng;

Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 18/4/2017 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các KCN Bà Rịa -Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc ban hành quy chế quản lý công tác thi đua khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ban,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quy chế quản lý Công tác thi đua, khen thưởng tại Ban Quản lý các KCN Bà Rịa – Vũng Tàu.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 40/QĐ-BQL ngày 08/5/2015 của Ban Quản lý các KCN Về việc ban hành quy chế thi đua khen thưởng tại Ban Quản lý các KCN.

**Điều 3.** Các Ông (bà) Chánh Văn phòng Ban, Trưởng phòng chuyên môn, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Ban có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**TRƯỞNG BAN**

*Nơi nhận :*

- Như điều 3;
- Ban TĐKT tỉnh;
- Website Ban;
- Lưu: VT.

**QUY CHẾ**  
**QUẢN LÝ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**  
**TẠI BAN QUẢN LÝ CÁC KCN BÀ RỊA – VŨNG TÀU**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BQL ngày tháng 5 năm 2018 của*  
*Trưởng ban Quản lý các KCN Bà Rịa - Vũng Tàu)*

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về: Phạm vi, đối tượng, nguyên tắc thi đua, khen thưởng; tổ chức thi đua; đối tượng, tiêu chuẩn xét danh hiệu thi đua; đối tượng, tiêu chuẩn xét khen thưởng; thẩm quyền quyết định, xét duyệt trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; quy trình, phương pháp bình xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; thủ tục hồ sơ, thời gian trình hồ sơ khen thưởng và quản lý hồ sơ khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng;

Các nội dung về công tác thi đua, khen thưởng có liên quan khác không được quy định trong văn bản này thì được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản pháp luật có liên quan.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Tập thể: các phòng ban, đơn vị trực thuộc Ban Quản lý các KCN, Doanh nghiệp hoạt động trong KCN (Sau gọi tắt là các cơ quan, đơn vị).

2. Cá nhân:

- + Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại Ban và đơn vị sự nghiệp.
- + Cán bộ lãnh đạo, nhân viên, người lao động tại các Doanh nghiệp trong

KCN

**Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng**

1. Nguyên tắc thi đua:

- a) Tự nguyện, tự giác, công khai;
- b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Nguyên tắc khen thưởng:

- a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời;
- b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng. Không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được. Chỉ lấy kết quả khen thưởng về thành tích toàn diện để làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng phong trào thi đua theo đợt được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng;

c) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng. Hình thức khen thưởng phải phù hợp với đối tượng, chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân và thành tích đạt được;

d) Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất;

đ) Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được thực hiện theo quy định chung;

e) Khen thưởng phải căn cứ vào điều kiện, tiêu chuẩn và thành tích đạt được, không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác hoặc chiến đấu, phục vụ chiến đấu;

g) Không xét, đề nghị khen thưởng đối với các tập thể sau: Đảng bộ, chi bộ đạt loại yếu kém; đơn vị để xảy ra lãng phí, tham nhũng gây thiệt hại, thất thoát tài sản của Nhà nước; hồ sơ đề nghị khen thưởng không đúng thời gian, báo cáo thành tích không thể hiện thành tích và đầy đủ các nội dung theo quy định;

h) Không xét, đề nghị khen thưởng đối với các cá nhân sau: Vi phạm kỷ luật dưới mọi hình thức; hồ sơ đề nghị khen thưởng không đúng thời gian, báo cáo thành tích không thể hiện thành tích và đầy đủ các nội dung theo quy định;

i) Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc đang điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ;

k) Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

## **Chương II**

### **TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU THI ĐUA VÀ ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA**

**Điều 4. Hình thức tổ chức thi đua và nội dung tổ chức phong trào thi đua**

1. Hình thức tổ chức thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

3. Tùy theo mục tiêu và phạm vi thi đua, thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) có thể tổ chức với quy mô rộng lớn trong nhiều cơ quan, đơn vị, không bó hẹp trong một cơ quan, đơn vị. Mốc thời gian phát động thi đua quy định là hàng năm, 01 năm, 05 năm, 10 năm... Khi tiến hành sơ kết, tổng kết, Trưởng các cơ quan, đơn vị thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp tổ chức trong phạm vi toàn tỉnh, cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức phong trào thi đua lựa chọn những tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, xuất sắc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Quản lý các KCN) tặng Bằng khen.

### **Điều 5. Đăng ký thi đua (đối với thi đua thường xuyên)**

1. Các tập thể, cá nhân khi tham gia phong trào thi đua phải thực hiện đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua.

2. Hàng năm, các khối thi đua trong KCN tổ chức đăng ký thi đua và ký kết giao ước thi đua trong khối. Nội dung đăng ký bao gồm:

a) Nội dung, chỉ tiêu thi đua bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Đăng ký các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chính phủ; Thủ tướng Chính phủ.

c) Thời gian đăng ký thi đua trước ngày 31 tháng 3 hàng năm.

3. Các Tập thể, cá nhân không đăng ký thi đua thì không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

### **Điều 6. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua**

1. Trưởng ban quản lý các KCN chỉ đạo, tổ chức, phát động phong trào thi đua do Ủy ban Nhân dân tỉnh, Bộ ngành phát động đến các tập thể, cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động Ban và Công ty IZICO, các Doanh nghiệp trong KCN, chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tuyên truyền, tôn vinh các điển hình tiên tiến và tạo điều kiện để tập thể, cá nhân được khen thưởng huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng những sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả.

2. Trưởng ban quản lý các KCN tổ chức phát động, chỉ đạo tổ chức triển khai phong trào thi đua trong phạm vi quản lý; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng;

3. Trưởng phòng Ban chuyên môn, Giám đốc đơn vị sự nghiệp trực thuộc, Giám đốc Các Doanh nghiệp trong KCN tùy điều kiện cụ thể, có trách nhiệm tổ chức và triển khai các phong trào thi đua đến cá nhân thuộc quyền quản lý, chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu đề nghị khen thưởng theo quy định.

## **Điều 7. Đối tượng, tiêu chuẩn, tỷ lệ xét tặng danh hiệu thi đua đối với tập thể**

### **1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”:**

a) Đối tượng xét tặng: Xét tặng cho tập thể là đơn vị thành viên thuộc cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, cụ thể:

- Ban Quản lý các KCN (tham gia Khối thi đua các sở, ngành kinh tế)
- Các Doanh nghiệp trong KCN đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Quyết định thành lập các Khối thi đua.

b) Tiêu chuẩn xét tặng: Thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 và Điều 12 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

### **2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”:**

a) Đối tượng xét tặng:

- Các phòng, ban và đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban
- Các Doanh nghiệp hoạt động trong KCN.

b) Tiêu chuẩn xét tặng: Thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003.

c) Tỷ lệ xét tặng: Không quá 30% trong tổng số tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” thuộc đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” nêu tại điểm a khoản này. Khi tính tỷ lệ, nếu số dư quá bán thì được đề nghị thêm 01.

### **3. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”:**

a) Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng: Thực hiện theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003.

b) Tỷ lệ xét tặng: Ban Quản lý các KCN không quy định tỷ lệ khen thưởng; Các đơn vị tùy vào thực tế phong trào thi đua, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và khả năng quỹ thi đua khen thưởng được trích lập để xét tặng danh hiệu.

## **Điều 8. Đối tượng, tiêu chuẩn, tỷ lệ xét tặng danh hiệu thi đua đối với cá nhân**

### **1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”:**

Thực hiện theo Khoản 1 điều 8 tại Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc ban hành quy chế quản lý công tác thi đua khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

## **2. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”:**

a) Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng:

Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003, khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

b) Tỷ lệ xét tặng: Không quá 15% trong tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của Ban. Trong đó: 20% là đối tượng cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị (Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương), 40% là đối tượng Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương, 40% là đối tượng không giữ chức vụ. Khi tính tỷ lệ, nếu số dư quá bán thì được đề nghị thêm 01.

## **3. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”:**

a) Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng:

Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

b) Tỷ lệ xét tặng: Ban Quản lý các KCN không quy định tỷ lệ xét tặng danh hiệu ;Các cơ quan, đơn vị Tùy vào thực tế phong trào thi đua, mức độ hoàn thành nhiệm vụ và khả năng quỹ thi đua khen thưởng được trích lập để xét tặng danh hiệu

## **Chương III ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG**

### **Điều 9. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Khen thưởng thành tích thường xuyên:

a) Đối tượng, tiêu chuẩn:

- Đối tượng là cá nhân thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

- Đối tượng là tập thể thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

b) Tỷ lệ xét khen thưởng: Không quá 50% trong tổng số tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn theo quy định. Trong đó, đối với Bằng khen cho cá nhân: 20% là đối tượng giữ chức vụ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị (Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương), 40% là đối tượng Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương, 40% là đối tượng không giữ chức vụ.

2. Khen thưởng thành tích đột xuất:

a) Tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP

b) Tập thể, cá nhân đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích (hoặc tương đương) trong các cuộc thi, hội thi, hội diễn cấp quốc tế, quốc gia và đạt giải nhất (hoặc tương đương) trong các cuộc thi, các giải thưởng do Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức.

3. Khen thưởng thành tích theo chuyên đề (hoặc theo đợt):

a) Đối tượng: Xét tặng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc, trực tiếp tham gia triển khai thực hiện các chuyên đề, ưu tiên khen thưởng cho đối tượng trực tiếp tham mưu, công nhân, tập thể có tỷ lệ nữ cao.

b) Số lượng đề nghị khen thưởng sơ kết, tổng kết các chuyên đề do Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các KCN phát động hàng năm trên phạm vi toàn tỉnh không vượt quá quy định sau: Những chuyên đề từ 05 năm trở lên: 15 tập thể và 30 cá nhân; từ 03 năm đến dưới 05 năm: 10 tập thể và 20 cá nhân; từ 01 năm đến dưới 03 năm: 05 tập thể và 10 cá nhân; dưới 01 năm: 03 tập thể và 06 cá nhân.

c) Trong một năm chỉ đề nghị khen thưởng chuyên đề (hoặc theo đợt) không quá 02 lần đối với tập thể và 01 lần đối với cá nhân. Cá nhân đề nghị khen thưởng phải có phân nửa thời gian tham gia chuyên đề trở lên.

d) Tỷ lệ trình khen thưởng: Người trực tiếp tham gia, thực hiện chuyên đề chiếm 70% trên tổng số danh sách đề nghị khen thưởng. Các cá nhân là lãnh đạo cơ quan, đơn vị tham gia chỉ đạo, cơ quan phối hợp, tuyên truyền chiếm 30% trên tổng số danh sách đề nghị khen thưởng.

4. Đối với sự kiện kỷ niệm ngày truyền thống, ngày thành lập đơn vị vào các năm tròn (05 năm), năm chẵn (10 năm): Số lượng đề nghị khen thưởng không quá 05 tập thể và 05 cá nhân; cá nhân đề nghị khen thưởng có nhiều đóng góp tại đơn vị và không vi phạm bị kỷ luật dưới mọi hình thức.

5. Các thành viên tham gia đạt thành tích cao trong Khôi thi đua các Doanh nghiệp trong KCN được Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định thành lập.

### **Điều 10. Giấy khen của Trưởng ban Quản lý các KCN**

1. Đối tượng, tiêu chuẩn: Thực hiện theo quy định tại khoản 42 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và khoản 2 Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Tỷ lệ xét khen thưởng:

a) Đối với khen thưởng các phong trào thi đua do Ban Quản lý các KCN phát động trên phạm vi toàn tỉnh với mục tiêu, đối tượng, chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể. Hàng năm, căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ của các tổ chức, cá nhân, căn cứ kết quả sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả, Trưởng ban Quản lý các KCN tặng giấy khen khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong các phong trào thi đua, số lượng khen thưởng như sau: Những chuyên đề từ 05 năm trở lên: 10 tập thể

và 20 cá nhân, từ 03 năm đến dưới 05 năm: 07 tập thể và 15 cá nhân, từ 01 năm đến dưới 03 năm: 05 tập thể và 10 cá nhân, dưới 01 năm: 03 tập thể và 06 cá nhân.

Kinh phí khen thưởng cho các phong trào này được xây dựng hàng năm và trình Ban Thi đua khen thưởng, Sở Tài chính tỉnh thẩm định phân bổ cùng với dự toán chi ngân sách hàng năm.

b) Đối với các cuộc vận động, phong trào thi đua do Ban Quản lý các KCN phát động tổ chức trong nội bộ thuộc quản lý: Số lượng cụ thể do Trưởng Ban quản lý các KCN xem xét, quyết định.

## **Chương IV**

### **THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, XÉT DUYỆT, TRAO TẶNG CÁC DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG**

#### **Điều 11. Thẩm quyền quyết định, đề nghị khen thưởng**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định tặng thưởng Bằng khen, công nhận danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”;

b) Xem xét, đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng thưởng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước (sau đây gọi chung là khen thưởng cấp Nhà nước);

c) Hiệp y khen thưởng với các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương.

2. Trưởng Ban Quản lý các KCN:

a) Quyết định tặng thưởng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”;

b) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng thưởng Bằng khen, công nhận danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

c) Quyết định tặng thưởng Giấy khen, Công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng thưởng Bằng khen, công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và trình khen thưởng cấp Nhà nước đối với các Doanh nghiệp trong KCN.

d) Hiệp y khen thưởng với các sở, ban ngành tỉnh.

3. Giám đốc Các Doanh nghiệp trong KCN:

Đối với doanh nghiệp trong KCN: Giám đốc doanh nghiệp quyết định tặng Giấy khen, công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động

tiên tiến” và đề nghị Trưởng ban Quản lý các KCN công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, và đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban quản lý các KCN) xét, tặng thưởng Bằng khen, công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

## **Chương V**

### **QUY TRÌNH, PHƯƠNG PHÁP BÌNH XÉT CÁC DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG**

#### **Điều 12. Quy trình bình xét đối với các phong trào thi đua thường xuyên**

1. Ngay từ đầu năm các cá nhân, tổ chức tiến hành đăng ký thi đua theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

**2. Kết thúc năm công tác, các đơn vị tổ chức bình xét khen thưởng theo các bước sau:**

**\*Đối với các tập thể và cá nhân là cán bộ, công chức, người lao động tại Ban Quản lý các KCN:**

Bước 1: Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở tổ chức họp xét sáng kiến.

Bước 2: Trưởng ban đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, người lao động thuộc Ban và ra quyết định xếp loại.

Bước 3: Căn cứ kết quả xét sáng kiến và kết quả đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, người lao động, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Ban tổ chức họp bình xét các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo trình tự sau: Bình chọn cá nhân trước, tập thể sau; danh hiệu thi đua trước, hình thức khen thưởng sau; hình thức thấp, mức khen thấp tiến hành trước; hình thức cao, mức khen cao tiến hành sau. Hội đồng họp khi có ít nhất 2/3 thành viên tham dự.

**\* Đối với đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban Quản lý các KCN**

Bước 1: Giám đốc Công ty IZICO đánh giá xếp loại viên chức, người lao động thuộc Công ty và ra quyết định xếp loại theo thẩm quyền quy định.

Bước 2: Trình Hội đồng thi đua khen thưởng Ban xem xét, trao tặng giấy khen và công nhận các danh hiệu thi đua đối với viên chức, người lao động thuộc Công ty.

**\* Đối với các Doanh nghiệp trong KCN**

Bước 1: Hội đồng Thi đua khen thưởng tại Doanh nghiệp họp, xem xét trình Giám đốc tặng giấy khen và công nhận các danh hiệu thi đua theo thẩm quyền được quy định tại Khoản 3 điều 11 của quyết định này.

Bước 2: Trình Hội đồng thi đua khen thưởng Ban xem xét, trao tặng giấy khen và công nhận các danh hiệu thi đua thuộc thẩm quyền của Trường Ban Quản lý các KCN theo quy định tại Khoản 2 điều 11 của quyết định này.

### **Điều 13. Phương pháp bình xét**

1. Việc bình xét được thực hiện bằng hình thức giơ tay biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín.

2. Cá nhân, tập thể được chọn đề nghị khen thưởng phải có ý kiến đồng ý của các thành viên Hội đồng từ 70% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

3. Trong xét khen thưởng tổng kết năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương phải cân đối tỷ lệ khen thưởng hợp lý giữa người giữ chức vụ lãnh đạo quản lý và người không giữ chức vụ. Trên cơ sở so sánh thành tích giữa các cá nhân có cùng chức trách nhiệm vụ được giao, phân định thành các nhóm để xét như sau:

Nhóm 1: Đối tượng giữ chức vụ lãnh đạo chủ chốt của cơ quan, đơn vị (Giám đốc, Phó Giám đốc và tương đương).

Nhóm 2: Đối tượng giữ chức vụ Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương.

Nhóm 3: Đối tượng không giữ chức vụ (chuyên viên, cán sự, nhân viên, công nhân, người lao động).

4. Các trường hợp không xét khen thưởng:

a) Đối với tập thể:

- Không đăng ký thi đua;
- Đảng bộ, chi bộ, Công đoàn cơ sở, tổ công đoàn đạt loại yếu kém;
- Để xảy ra điểm nóng ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội;
- Để xảy ra lãng phí, tham nhũng gây thiệt hại, thất thoát tài sản của Nhà nước;
- Vi phạm quy chế dân chủ ở cơ sở; nội bộ mất đoàn kết (căn cứ kết luận của cơ quan có thẩm quyền).
- Có công chức, viên chức, người lao động bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
- Chưa xét thi đua đối với những đơn vị có dấu hiệu sai phạm đang chờ cơ quan có thẩm quyền kết luận.
- Giải quyết chậm trễ thủ tục hành chính hơn 3 lần trong năm (Đối với phòng ban thuộc Ban Quản lý các KCN).
- Hồ sơ đề nghị khen thưởng không đúng thời gian, báo cáo thành tích không thể hiện đầy đủ các nội dung theo quy định.

b) Đối với cá nhân:

- Không đăng ký thi đua; làm việc theo chế độ hợp đồng ngắn hạn dưới 01 năm; mới tuyển dụng dưới 10 tháng; nghỉ việc từ 40 ngày làm việc trở lên (trừ chế độ nghỉ phép năm; nghỉ thai sản; nghỉ để điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ quan y tế do bị thương tích trong lúc cứu người, cứu tài sản, trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu);

- Vi phạm kỷ luật dưới mọi hình thức; hoặc có thư phản ánh của địa phương nơi cư trú về việc không chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước hoặc các vi phạm khác (nếu nội dung phản ánh được xác minh là đúng);

- Giải quyết chậm trễ thủ tục hành chính hơn 3 lần trong năm (Đối với cán bộ, công chức thuộc Ban Quản lý các KCN)

- Hồ sơ đề nghị khen thưởng không đúng thời gian, báo cáo thành tích không thể hiện đầy đủ các nội dung theo quy định.

## **Chương VI**

### **THỦ TỤC HỒ SƠ, THỜI GIAN TRÌNH HỒ SƠ KHEN THƯỞNG, HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ HỒ SƠ KHEN THƯỞNG**

#### **Điều 14. Thủ tục hồ sơ**

1. Thủ tục hồ sơ đề nghị khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số [91/2017/NĐ-CP](#) của Chính phủ và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về bộ thủ tục hành chính áp dụng trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng.

2. Căn cứ tiêu chuẩn của các loại danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, các hồ sơ đề nghị khen thưởng phải đảm bảo số lượng, đầy đủ các thủ tục liên quan và chứng minh đạt được tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định. Để kiểm tra tính xác thực của hồ sơ, báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng, khi cần thiết, cơ quan chuyên môn về thi đua, khen thưởng đi cơ sở để thẩm định thành tích hoặc yêu cầu đơn vị trình khen cung cấp các văn bản chứng minh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có đề tài sáng kiến, đạt các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng ở cơ sở.

3. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị được khen thưởng phải phù hợp với hình thức, mức hạng khen thưởng theo quy định. Nội dung báo cáo thành tích thực hiện theo mẫu quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

#### **Điều 15. Thời gian trình hồ sơ khen thưởng**

1. Khen thưởng cấp tỉnh trở lên:

Thực hiện theo Quy định tại Điều 19 của Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh về việc ban hành quy chế quản lý công tác thi đua khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Khen thưởng thuộc thẩm quyền của Trưởng ban Quản lý các KCN:

a) Khen thưởng thường xuyên: Thời gian trình hồ sơ khen thưởng trước ngày 10 tháng 01 hàng năm.

b) Khen thưởng theo đợt, chuyên đề: Thời gian trình hồ sơ khen thưởng trước ngày dự kiến trao thưởng ít nhất 20 ngày làm việc

c) Khen thưởng đột xuất: Thời gian trình hồ sơ khen thưởng trước 07 ngày làm việc.

### **Điều 16. Hiện vật khen thưởng**

Thực hiện theo Nghị định số [85/2014/NĐ-CP](#) ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ Quy định mẫu huân chương, huy chương, kỷ niệm chương; mẫu bằng, khung, hộp, cờ của các hình thức khen thưởng và danh hiệu thi đua; quản lý, cấp phát, cấp đổi, cấp lại, thu hồi hiện vật khen thưởng.

### **Điều 17. Quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng**

Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm quản lý, lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương mình và cấp cơ sở để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại hoặc xác nhận khen thưởng khi các đối tượng có yêu cầu. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định về lưu trữ.

## **Chương VII QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

### **Điều 18. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng**

1. Nội dung chi: Thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số [91/2017/NĐ-CP](#) và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Thực hiện trích 20% trong tổng Quỹ thi đua, khen thưởng của đề chi cho công tác tổ chức, chỉ đạo các phong trào thi đua và công tác khen thưởng, cụ thể:

a) Chi tổ chức phát động các phong trào thi đua thường xuyên, thi đua theo đợt, thi đua chuyên đề trong phạm vi ngành, địa phương; các hoạt động thi đua, khen thưởng cụm, khối;

b) Chi tham gia, tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ, hội thi về thi đua, khen thưởng; tuyên truyền nhân rộng các điển hình tiên tiến, lấy ý kiến nhân dân đối với các trường hợp đề nghị khen thưởng cấp nhà nước trên phương tiện thông tin đại chúng;

c) Chi tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; xây dựng quy chế, chính sách về thi đua, khen thưởng;

d) Chi tổ chức, tham gia hội nghị ký kết giao ước thi đua, hội nghị sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, biểu dương điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua yêu nước;

đ) Chi cho việc trình hồ sơ khen thưởng thành tích cấp Nhà nước;

e) Chi công tác kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng và giải quyết đơn, thư khiếu nại, tố cáo về chính sách khen thưởng ở ngành, địa phương, đơn vị cơ sở;

g) Chi đi học tập kinh nghiệm các điển hình tiên tiến, nhân tố mới các huyện, thành phố trong tỉnh và các tỉnh trong cả nước; đi trao thưởng các hình thức khen thưởng cấp tỉnh, cấp Nhà nước ở cơ sở;

h) Một số khoản chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác tổ chức, chỉ đạo, phong trào thi đua, công tác khen thưởng.

3. Quỹ thi đua, khen thưởng của Ban hàng năm được quyết toán theo đúng chính sách, chế độ hiện hành.

### **Điều 19. Mức tiền thưởng và chế độ ưu đãi**

Thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 74, Điều 75 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

## **CHƯƠNG IX**

### **KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**

#### **Điều 20. Kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng**

1. Văn phòng Ban (Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng) có trách nhiệm tham mưu Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh tổ chức kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng tại các cơ quan, đơn vị trong phạm vi quản lý.

2. Trưởng các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng tại cơ quan, đơn vị do mình quản lý.

3. Trưởng khối thi đua có trách nhiệm kiểm tra, giám sát phong trào thi đua theo các giao ước thi đua đã ký kết.

#### **Điều 21. Trách nhiệm trong việc kê khai và xác nhận thành tích**

1. Trách nhiệm của cá nhân: Cá nhân được đề nghị khen thưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai, báo cáo thành tích đề nghị các cấp xét khen thưởng.

2. Trách nhiệm của Thủ Trưởng các cơ quan, đơn vị: Chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định các hồ sơ, báo cáo thành tích và tính chính xác của các hồ sơ, báo cáo thành tích đề nghị xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân của đơn vị mình trước khi trình cấp trên.

#### **Điều 22. Xử lý vi phạm**

1. Cá nhân, tập thể được khen thưởng; cá nhân, tập thể có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên có thẩm quyền quyết định khen thưởng, nếu có hành vi vi phạm trong quá trình kê khai, thực hiện thủ tục và quyết định khen thưởng thì sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 96 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003. Thủ tục, hồ sơ hủy bỏ quyết định khen thưởng thực hiện theo Điều 78 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Cá nhân được tặng thưởng danh hiệu vinh dự Nhà nước mà vi phạm pháp luật hình sự, bị tòa án xét xử bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật và bị tuyên án tù hình phạt tù có thời hạn trở lên thì bị tước danh hiệu vinh dự Nhà nước. Trường hợp bị xét xử oan, sai được cơ quan có thẩm quyền minh oan, sửa sai thì cá nhân được phục hồi và trao lại danh hiệu đã bị tước. Thủ tục, hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu thực hiện theo quy định tại Điều 79 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

### **Điều 23. Khiếu nại tố cáo**

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Văn phòng Ban (Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng) tổ chức làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tiếp nhận, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xác minh, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan, đơn vị, địa phương.

## **Chương X ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 24. Tổ chức thực hiện**

1. Chánh Văn phòng Ban, Trưởng các Phòng chuyên môn, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc và Giám đốc các Doanh nghiệp trong KCN có trách nhiệm triển khai thực hiện quy chế này.

2. Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng Ban có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy chế này và theo dõi tổng hợp những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện báo cáo Trưởng Ban bổ sung, sửa đổi kịp thời./.